

THE IMPACT OF SOCIAL MEDIA ON STUDENTS AT DONG NAI MEDICAL COLLEGE IN 2024

Nguyen Hong Quang*, Nguyen Thi Thao Nguyen, Doan Thi Hue

Dong Nai Medical College - Quarter 22, Long Binh ward, Dong Nai province

Received: 13/01/2026

Revised: 11/03/2026; Accepted: 04/06/2026

ABSTRACT

Objective: The objective of this study is to identify factors influencing social media use behaviors among students at Dong Nai Medical College.

Subjects and research methods: Students studying at Dong Nai Medical College.

Conclusion: Social media has become an integral component of students' daily lives and exerts both positive and negative effects. On the positive side, students clearly recognize its role in facilitating communication, entertainment, and stress reduction. Conversely, approximately 40–45% of students report occasionally experiencing emotional pressure, time constraints, and difficulties in self-regulation associated with social media use. Students also identify usage behaviors as the most influential factor, encompassing awareness, attitudes, and age-related psychological characteristics. In addition, external factors, such as technological resources and living conditions, play a significant role.

Key word: Behaviors, social media, student, Dong Nai Medical College

*Corresponding author

Email: quangq2cyd@gmail.com **Phone:** (+84) 919331379 **DOI:** 10.52163/yhc.v67iCD6.5363



TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI TỚI SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI NĂM 2024

Nguyễn Hồng Quang*, Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Đoàn Thị Huế

Trường cao đẳng y tế Đồng Nai - Khu phố 22, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận bài: 13/01/2026

Ngày chỉnh sửa: 11/03/2026; Ngày duyệt đăng: 04/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định các tác động của việc sử dụng mạng xã hội tới sinh viên trường cao đẳng Y tế Đồng Nai.

Đối tượng và PPNC: Sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

Kết quả: MXH đã trở thành một phần tất yếu trong đời sống SV. MXH có tác động hai mặt. Mặt tích cực, SV nhận thức rõ vai trò của MXH trong việc kết nối, giải trí và giảm stress. Mặt tiêu cực 40-45% SV thỉnh thoảng gặp áp lực về cảm xúc, thời gian và khả năng làm chủ bản thân. Hành vi sử dụng MXH được SV đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất, bao gồm: nhận thức, thái độ và đặc điểm tâm lý lứa tuổi. Ngoài ra các yếu tố khách quan như phương tiện kỹ thuật hay điều kiện sinh hoạt cũng đóng góp vai trò khá quan trọng.

Từ khóa: Hành vi, Mạng xã hội, sinh viên, Trường cao đẳng y tế Đồng Nai

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hầu hết chúng ta thì các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube... và nó đã trở thành một phần quan trọng không thể thiếu của nhiều người đặc biệt là đối với những thế hệ trẻ, mạng xã hội (MXH) lại càng có một vai trò quan trọng và ảnh hưởng lớn đối với con người. Ngoài những lợi ích mà MXH đem lại cho người dùng như thông tin nhanh, phong phú được cập nhật nhanh chóng, liên tục thì chúng ta còn nhận thấy một khía cạnh quan trọng làm thay đổi đến hình thức giao tiếp giữa người dùng MXH với nhau, giúp SV giảm stress sau những ngày học tập và làm việc căng thẳng. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực thì MXH lại mất thời gian nhất là đối với SV làm xao nhãng việc học, sống khép kín, ...

Tại sao họ lại có hành vi ứng xử như vậy, đâu là nguyên nhân, họ có nhận thức được vấn đề không? Vì vậy nghiên cứu thái độ và nhận thức của SV về tác động của MXH có giải pháp định hướng tích cực khi sử dụng MXH. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu: *Xác định tác động của mạng xã hội tới sinh viên trường cao đẳng Y tế Đồng Nai.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

Sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai

Thời gian, địa điểm NC: tháng 03 đến tháng 8 năm 2024, trường CĐ Y tế Đồng Nai

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{e^2}$$

n: cỡ mẫu nghiên cứu

$Z_{1-\alpha/2}$ độ tin cậy ước lượng. Với độ tin cậy là 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ ($\alpha = 0,05$)

α sai số cho phép. Nghiên cứu lựa chọn $\alpha = 0,03$

p: dự đoán tỉ lệ ước lượng là 0,60% sử dụng mạng xã hội thường xuyên. Cỡ mẫu nghiên cứu tính được là: 1025. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu đã tiến hành trên 1.037 SV.

Chọn mẫu: Chúng tôi chọn toàn bộ sinh viên của trường vào nghiên cứu.

2.3 Biến số nghiên cứu

- **Nhóm biến số thông tin chung về đối tượng NC:** năm sinh, giới tính, ngành học

- **Nhóm các biến số tác động đến sinh viên khi sử dụng MXH:**

+ Tâm trạng sau mỗi lần sử dụng hoặc từ sau khi sử dụng MXH

+ Mức độ ảnh hưởng khi xem các trang mạnh, nội dung không lành mạnh

+ Hệ quả tích cực, tiêu cực của việc sử dụng MXH

+ Sử dụng MXH ảnh hưởng đến sức khoẻ

+ Tâm trạng khi không có, không được sử dụng MXH

- **Nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên**

+ Nhận thức về MXH

+ Thái độ khi sử dụng MXH

*Tác giả liên hệ

Email: quangq2cyd@gmail.com Điện thoại: (+84) 919331379 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD6.5363

- + Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng MXH của SV
- + Yếu tố có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

- Công cụ thu thập : Sử dụng bộ câu hỏi được xây dựng sẵn.
- Điều tra thử để hoàn thiện phiếu điều tra phục vụ cho nghiên cứu chính thức.
- Phát phiếu điều tra.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi thu thập số liệu được nhập vào máy bằng phần mềm Epi Data và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Biến số	Phân nhóm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	147	14,2
	Nữ	890	85,8
Nơi ở hiện tại	KTX	231	22,3
	Thuê trọ	309	29,8
	Ở nhà mình	429	41,4
	Khác	68	6,6
Người đang sống cùng	Gia đình	429	41,4
	Bạn bè	540	52,1
	Người thân	42	4,1
	Khác	26	2,5
Thời gian làm thêm/ tham gia CLB	Dưới 1h	0	0
	Từ 1h đến dưới 5h	321	31
	Từ 5h đến 10h	83	8,0
	Trên 10h	0	0

Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ nữ chiếm đa số với 85,8%. Gần 1/3 SV có đi làm thêm. Phần lớn SV ở nhà cùng gia đình, ở trọ và KTX, chỉ có 6,6% sinh viên ở nhà của người thân và nơi ở khác.

Bảng 2. Tác động của mạng xã hội

Tác động của MXH	Mức độ			
	Thường xuyên n (%)	Thỉnh thoảng n (%)	Hiếm khi n (%)	Chưa bao giờ n (%)
Áp lực về cảm xúc				
Không thoải mái khi không sử dụng MXH.	117 (11,3)	457 (44,1)	295 (28,4)	168 (16,2)
Cảm giác cuộc sống vô vị khi không sử dụng MXH.	130 (12,5)	445 (42,9)	278 (26,8)	184 (17,7)
Cảm giác mất mát, mệt mỏi khi không sử dụng MXH.	94 (9,1)	399 (38,5)	265 (25,6)	279 (26,9)
Áp lực về thời gian				
Thời gian dành cho MXH ngày càng nhiều hơn	136 (13,1)	464 (44,7)	273 (26,3)	164 (15,8)

Tác động của MXH	Mức độ			
	Thường xuyên n (%)	Thỉnh thoảng n (%)	Hiếm khi n (%)	Chưa bao giờ n (%)
Thời gian dành cho MXH tăng lên liên tục	103 (9,9)	452 (43,6)	292 (28,2)	190 (18,3)
Thời gian nhiều hơn so với dự định và so với trước đây	122 (11,8)	464 (44,7)	275 (26,5)	176 (16,0)
Áp lực tới hoạt động sống				
Ảnh hưởng đến kết quả học tập	92 (8,9)	425 (41,0)	316 (30,5)	204 (19,7)
Sức khỏe giảm sút	86 (8,3)	459 (44,3)	249 (24,0)	243 (23,4)
Hạn chế giao tiếp với bạn bè, người thân	92 (8,9)	418 (40,3)	261 (25,2)	266 (25,7)
Các hoạt động giải trí khác	95 (9,2)	467 (45,0)	263 (25,4)	212 (20,4)
Áp lực tới khả năng làm chủ bản thân				
Không thể kiềm chế mong muốn vào MXH	81 (7,8)	459 (44,3)	252 (24,3)	245 (23,6)
Không thành công khi cố giảm bớt thời gian vào MXH	86 (8,3)	427 (41,2)	276 (26,6)	248 (23,9)
Không giải thoát được nỗi ám ảnh luôn thường trực trong đầu liên quan đến MXH.	84 (8,1)	395 (38,1)	247 (23,8)	311 (30,0)

Kết quả nghiên cứu cho thấy các tác động của MXH ở mức độ thỉnh thoảng cảm thấy có áp lực về cảm xúc, áp lực về thời gian, áp lực tới hoạt động sống và áp lực tới khả năng làm chủ bản thân chiếm tỷ lệ cao dao động ở trong ngưỡng từ 40% đến 45%.

Bảng 3. Nhận thức về mạng xã hội

Nội dung	Mức độ nhận thức			
	Rất đồng ý n (%)	Đồng ý n (%)	Phân vân n (%)	Không đồng ý n (%)
MXH là loại hình giải trí hấp dẫn giúp con người giải tỏa căng thẳng sau những giờ làm việc, học tập	209 (20,2)	718 (69,2)	100 (9,6)	10 (1,0)
MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian	213 (20,5)	726 (70,0)	88 (8,5)	10 (1,0)
MXH là nơi kết nối bạn với những người cùng sở thích	221 (21,3)	721 (69,5)	75 (7,2)	20 (1,9)
MXH là công cụ tuyệt vời để nâng cao, bổ sung kiến thức, kỹ năng	311 (30,0)	599 (57,8)	112 (10,8)	15 (1,4)
MXH là một phần tất yếu của cuộc sống hàng ngày	141 (13,6)	618 (59,6)	214 (20,6)	64 (6,2)
MXH là kênh quảng cáo, marketing của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	167 (16,1)	731 (70,5)	110 (10,6)	29 (2,8)

Nội dung	Mức độ nhận thức			
	Rất đồng ý n (%)	Đồng ý n (%)	Phân vân n (%)	Không đồng ý n (%)
MXH là một xã hội ảo online, mang nhiều đặc tính tương tự như xã hội thực,	111 (10,7)	632 (60,9)	237 (22,9)	57 (5,5)
MXH giúp mọi người giao lưu và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả	203 (19,6)	727 (70,1)	97 (9,4)	10 (1,0)

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết SV đều có nhận thức đồng ý và rất đồng ý về vai trò của MXH. Trong đó số SV cho rằng MXH là nơi kết nối bạn với những người cùng sở thích chiếm 90,8% trả lời đồng ý và rất đồng ý, MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian chiếm 90,5% và MXH giúp mọi người giao lưu và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả chiếm 89,7%.

Bảng 4. Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Động cơ			
	Rất mạnh mẽ n (%)	Mạnh mẽ n (%)	Bình thường n (%)	Không mạnh mẽ n (%)
Để khẳng định bản thân	80 (7,7)	156 (15,0)	704 (67,9)	97 (9,4)
Để câu “like”, “comment”	76 (7,3)	120 (11,6)	641 (61,8)	200 (19,3)
Để giải trí	134 (12,9)	297 (28,6)	581 (56,1)	25 (2,4)
Tìm kiếm việc làm	82 (7,9)	244 (23,5)	642 (61,9)	69 (6,7)
Mua, bán hàng	108 (10,4)	224 (21,6)	628 (60,6)	77 (7,4)
Giao lưu, kết nối bạn bè	137 (13,2)	245 (23,6)	623 (60,1)	32 (3,1)
Quảng cáo	86 (8,3)	115 (11,1)	634 (61,1)	202 (19,5)
Giảm stress	143 (13,8)	253 (24,4)	604 (58,2)	37 (3,6)

Bảng kết quả cho thấy các động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng MXH của SV đều được lựa chọn cao nhất ở mức độ bình thường chiếm tỷ lệ trên 55%. Tuy nhiên kết quả cũng chỉ ra rằng hơn 1/3 đối tượng nghiên cứu cho rằng các động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng MXH mạnh mẽ và rất mạnh mẽ để giải trí, để giảm stress và giao lưu, kết nối bạn bè.

Bảng 5. Mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH

Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng			
	Rất quan trọng n (%)	Tương đối quan trọng n (%)	Bình thường n (%)	Không quan trọng n (%)
Nhận thức của sinh viên về MXH	342 (33,0)	364 (35,1)	266 (25,7)	65 (6,3)

Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng			
	Rất quan trọng n (%)	Tương đối quan trọng n (%)	Bình thường n (%)	Không quan trọng n (%)
Thái độ của sinh viên khi sử dụng MXH	302 (29,1)	370 (35,7)	323 (31,1)	42 (4,1)
Động cơ sử dụng MXH của sinh viên	269 (25,9)	381 (36,7)	338 (32,6)	49 (4,7)
Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên	304 (29,3)	369 (35,6)	304 (29,3)	60 (5,8)
Môi trường xã hội	265 (25,6)	361 (34,8)	356 (34,3)	55 (5,3)
Điều kiện sinh hoạt	223 (21,5)	373 (36,0)	381 (36,7)	60 (5,8)
Phương tiện kỹ thuật	229 (22,1)	350 (35,8)	374 (36,1)	84 (8,1)

Nghiên cứu cho thấy: các yếu tố có mức độ ảnh hưởng nhiều ít khác nhau tùy vào sự lựa chọn của mỗi SV khi sử dụng cụ thể như sau: Có 3 yếu tố chủ quan là nhận thức của SV về MXH, đặc điểm tâm lý lứa tuổi và thái độ của SV khi sử dụng MXH có mức độ ảnh hưởng được đánh giá ở mức tương đối quan trọng và quan trọng tỷ lệ cao trên 60%. Các yếu tố khách quan như môi trường xã hội có ảnh hưởng nhiều nhất chiếm 60,4%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy các tác động của MXH ở mức độ thỉnh thoảng cảm thấy có áp lực về cảm xúc, áp lực về thời gian, áp lực tới hoạt động sống và khả năng làm chủ bản thân chiếm tỷ lệ cao từ 40% đến 45%. Kết quả nghiên cứu của Trần Thị Minh Đức [2] cũng cho thấy SV sử dụng MXH chịu những áp lực bởi MXH ở mức bình thường. Điều này chưa phải là mức đáng lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của MXH lên SV những người đang sử dụng MXH hàng ngày.

Nghiên cứu cho thấy hầu hết SV đều có nhận thức đồng ý và rất đồng ý về vai trò của MXH. MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian và MXH giúp mọi người giao lưu, chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả với lệ đồng ý trở lên rất cao. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bắc [1] và cho thấy rằng MXH ra đời khoảng cách về không gian địa lý trở nên gần hơn rất nhiều qua chức năng giao lưu và chia sẻ thông tin. Kết quả cũng cho thấy nhiều SV nhận thức đúng về MXH. Việc nhận thức đúng giúp mỗi SV sử dụng MXH một cách hợp lý. Tuy nhiên, cũng có một số không đồng ý về MXH nên có những hành vi chưa phù hợp với văn hóa ứng xử trên MXH, nhiều bạn bị nghiện MXH một cách trầm trọng, rất nhiều những bạn trẻ ngại tiếp xúc trực tiếp mà chỉ muốn giao lưu giao tiếp qua mạng xã hội.

Tùy tính cách và mục đích của mỗi SV sẽ lựa chọn cho mình một động cơ phù hợp. Dựa trên kết quả khảo sát thì hơn 1/3 SV cho rằng các động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng MXH mạnh mẽ và rất mạnh mẽ để giải trí, để giảm stress

và giao lưu, kết nối bạn bè. Kết quả tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bắc và Phan Nam Thái [3] khi giao lưu, kết bạn được SV lựa chọn nhiều nhất 96,5% với đặc điểm SV trường đa phần ở xa nhà và một số ở KTX...vì thế SV thường chỉ ngồi một chỗ cùng với chiếc điện thoại có internet là các bạn có thể trò chuyện với bất cứ người bạn khác. Bên cạnh đó, việc trở thành bạn bè của nhau thông qua MXH, khoảng cách giữa SV và giảng viên trở nên gần gũi hơn, từ đó giảng viên có thể được lắng nghe nhiều hơn về những chia sẻ, tâm tư nguyện vọng từ SV và ngược lại SV có thể được trao đổi, học tập nhiều hơn từ thầy cô. Có thể nói MXH giúp kết nối con người lại gần nhau hơn.

5. KẾT LUẬN

Khảo sát thực trạng sử dụng MXH của 1.037 SV, nghiên cứu cho thấy: MXH mang lại tác động hai mặt. Mặt tích cực, SV nhận thức rõ vai trò của MXH trong việc kết nối, giải trí và giảm stress. Mặt tiêu cực, một tỷ lệ đáng kể (40-45%) SV thỉnh thoảng gặp áp lực về cảm xúc, thời gian và khả năng làm chủ bản thân.

Hành vi sử dụng MXH được SV đánh giá nhận thức, thái độ và đặc điểm tâm lý lứa tuổi là những yếu tố quan trọng liên quan đến hành vi sử dụng MXH, bao gồm: nhận thức, thái độ và đặc điểm tâm lý lứa tuổi. Ngoài ra các yếu tố khách quan như phương tiện kỹ thuật hay điều kiện sinh hoạt cũng đóng góp vai trò khá quan trọng.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Bắc (2018), “Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương”, Luận văn thạc sĩ tâm lý học, Học viện khoa học xã hội.
- [2] Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái (2014), “Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam”, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8(81)-2014.
- [3] Phan Nam Thái, Hoàng Thanh Thúy (2023), Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, Journal of educational equipment: Education management, Volume 1, Issue 290 (June 2023).
- [4] Ngô Anh Huy (2022), “Thực trạng sử dụng, ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hành vi và sức khỏe trong sinh viên trường Đại học Y Dược – ĐHQGHN năm 2021”, Khóa luận tốt nghiệp ngành Y đa khoa, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Hồ Thị Phương (2025) Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên: Một nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Tạp Chí Giáo dục, 25 (đặc biệt 4), 377–381.
- [6] Phan Thị Ngọc Trân, Nguyễn Văn Mạnh (2025), Ảnh hưởng của mạng xã hội đến sinh viên Trường Đại học Bình Dương - Phân hiệu Cà Mau, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Bình Dương – Quyển 8, số 1/2025.
- [7] Nguyễn Thị Hải Yến (2024), Thói quen sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường đại học quốc tế Hồng Bàng, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng – Số Đặc biệt: Hội nghị Khoa học Tuổi trẻ Lần thứ 1 - 5/2024.

